

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ -ST

Ngày 30/9/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử

Bà Dương Thị Thu Hồng

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Mạnh Hùng - Thư ký TAND khu vực 1- Hưng Yên

- Đại diện VKSND khu vực 1 – tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Yên - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2025/TLST - HNGĐ ngày 21/7/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 11/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Lưu Thị S, sinh năm 1993

HKTT: thôn ĐX, xã AT, tỉnh HY

Hiện đang lao động tại Đài Loan

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn ĐX, xã AT, tỉnh HY

- Người có QLVN liên quan: Cháu Đoàn Thị Th Th, sinh ngày 25/11/2013; Đoàn Nhật M, sinh ngày 27/4/2015; Đoàn Th Đ, sinh ngày 17/3/2018 và cháu Đoàn Đại Th, sinh ngày 25/8/2020

Người đại diện của các cháu: Chị Lưu Thị S và anh Đoàn Văn H (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2025 và lời khai của chị S trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Hoa Thám (nay là xã Ân Thi) vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị có cuộc sống hòa thuận. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tranh cãi nhau khiến tình cảm không còn như trước. Đầu năm 2022, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau, không còn liên lạc. Tháng 3/2024, chị sang Đài Loan sinh

sống và làm việc. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là cháu Đoàn Thị Th Th, sinh năm 2013; Đoàn Nhật M, sinh năm 2015; Đoàn Th Đ, sinh năm 2018 và cháu Đoàn Đại Th, sinh năm 2020. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Th, còn cháu Th, M, Đ để anh H nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu cho anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Ông Đoàn Th X (bố đẻ của anh H) trình bày: Anh H, chị S sau một thời gian tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Hoa Thám (nay là xã Ân Thi) vào năm 2012. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng chị S không hòa thuận, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng chất dứt mọi quan hệ. Nay chị S làm đơn ly hôn thì ông đề nghị giải quyết cho anh chị ly hôn. Ông đề nghị tiếp tục giao cho anh H nuôi 3 cháu là Đoàn Thị Th Th, sinh năm 2013; Đoàn Nhật M, sinh năm 2015; Đoàn Th Đ, sinh năm 2018 và ông hỗ trợ trông nom, chăm sóc các cháu cho anh H. Còn để cháu Th cho chị S nuôi dưỡng. Ông sẽ nhận thay anh H các giấy tờ tài liệu mà Tòa án giao cho anh H.

Bà Đào Thị Mãi (mẹ đẻ của chị S) trình bày: Anh H, chị S là vợ chồng, sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình, cuộc sống vợ chồng chị S không hòa thuận, không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, anh H không tu chí làm, cuối năm 2022 vợ chồng sống ly thân nhau, năm 2024 kinh tế khó khăn chị S đi lao động tại Đài Loan. Nay chị S làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho chị S được ly hôn anh H. Bà đồng ý nuôi cháu Th thay cho chị S cho đến khi chị S về Việt Nam. Còn 3 cháu Th, M, Đ đang ở với anh H và ông bà nội nên để các cháu tiếp tục ở cùng anh H.

Lời khai của anh Đào Duy Th: Là hàng xóm của chị S, anh H, hai anh chị tự tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng chị S, anh H thường xuyên va chạm, cãi nhau nguyên nhân là do kinh tế, cuối năm 2022, chị S về bên ngoại ở, vợ chồng sống ly thân nhau, gia đình có công việc cũng không có mặt, khoảng năm 2024 chị S sang Đài Loan làm ăn, anh H ở nhà. Vợ chồng chị S có 4 con chung, ba cháu lớn đang ở với ông bà nội và anh H, còn cháu thứ tư cùng chị S về bên ngoại ở. Cháu Th bị bệnh từ nhỏ, không nhận thức được, sinh hoạt do gia đình giúp đỡ. Kinh tế gia đình ông X (bố đẻ anh H) ổn định, nhà cửa rộng rãi đảm bảo được cuộc sống cho các cháu.

Lời khai của cháu Đoàn Nhật M, cháu Đoàn Th Đ: Chúng cháu là con của ông H, bà S. Nếu bố mẹ cháu ly hôn chúng cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2025: Anh H vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa:

Tại phiên tòa ngày 30/9/2025: Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND tham gia phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và bị đơn, người làm chứng, người có QLVN liên quan đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh H đã vi phạm quy định tại Điều 70 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 469, 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận cho chị Lưu Thị S được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

Về con chung: Giao 03 cháu Đoàn Thị Th Th, cháu Đoàn Nhật M, cháu Đoàn Th Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th, cháu M, cháu Đ đủ 18 tuổi, tự lập được, chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Giao cháu Đoàn Đại Th cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Th. Trong thời gian chị S ở nước ngoài, giao cháu Th cho ông bà ngoại nuôi dưỡng cho đến khi chị S về Việt Nam đón cháu.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H. Hiện chị S đang lao động tại Đài Loan, anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐX, xã AT, tỉnh HY. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35 BLTTDS, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn, người có QLVN liên quan vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị S và anh H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 26/10/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế, anh H không tu chí làm. Do mâu thuẫn, chị S về bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, cả hai không còn quan tâm chăm lo đến nhau, không liên quan đến nhau về kinh tế phù hợp với lời khai của ông X, bà Mão. Về phía anh H, Tòa án đã tổng Đ hợp lệ qua ông X (bố đẻ của anh H) nhưng anh H đều vắng mặt, gia đình anh H xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị giải quyết ly hôn cho anh chị. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh H, chị S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đến nay vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn mà vẫn tiếp tục sống ly thân nhau nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh H của chị S là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị S có 04 con chung là Đoàn Thị Th Th, sinh năm 2013; Đoàn Nhật M, sinh năm 2015; Đoàn Th Đ, sinh năm 2018 và cháu Đoàn Đại Th, sinh năm 2020. Hiện nay cháu Th, M, Đ đang ở với anh H và ông bà nội, cháu Th đang ở với ông bà ngoại. Chị S có nguyện vọng được nuôi cháu Th và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, còn để anh H và ông bà nội tiếp tục nuôi cháu Th, M, Đ. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, việc giao các con chung cho ai cần xem xét đến điều kiện, nguyện vọng của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án cháu Th bị nã nên không trình bày được, cháu M, cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị S, tuy nhiên chị S đang lao động tại Đài Loan, bố mẹ chị S đang giúp chị S chăm sóc, trông nom cháu Th. Cháu Th, M, Đ ở với bố và ông bà nội vẫn ngoan ngoãn, học tốt, quan tâm lẫn nhau. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu nên sẽ giao anh H nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Th, M, Đ. Giao chị S nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th đến tuổi Th niên

Về cấp dưỡng: Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con cho anh H mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238, 469, 477, 479 BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2025; Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị S được ly hôn anh Đoàn Văn H.

2- Về con chung: Giao anh Đoàn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Thị Th Th, sinh ngày 25/11/2013; Đoàn Nhật M, sinh ngày 27/4/2015; Đoàn Th Đ, sinh ngày 17/3/2018 đến tuổi Th niên hoặc có khả năng lao động để tự nuôi mình. Giao chị Lưu Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Đại Th, sinh ngày 25/8/2020 đến tuổi Th niên. Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi 3 con chung cho anh H, mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9/2025 cho đến tuổi Th niên hoặc có khả năng lao động để tự nuôi mình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị Mãi chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th thay chị S cho đến khi chị S về Việt Nam đón cháu,

Anh H, chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị S không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không giải quyết.

4 - Về án phí : Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0004155 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành dân sự khu vực 1 – Hưng Yên. Ngoài ra chị S còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trở lại hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, Th tra và thi hành án tỉnh;
- VKSND khu vực 1 –Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- UBND xã Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ái

